

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 24/8/2020

V/v Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thanh

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc “*Không công nhận vợ chồng*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2020/HNGĐ-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2020/QĐ-PT ngày 25/6/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 10/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: thôn BL, xã HT, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình H1, sinh năm: 1948. Địa chỉ: thôn BL, xã HT, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng (theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2017).

2. Bị đơn: Ông Đoàn Ngọc Đ, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn KN, xã PH, huyện ĐT, Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Hồng Ph – Văn phòng Luật sư HP thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hồ Hữu Tr, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: thôn BL, xã HT, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

4. *Người kháng cáo:* ông Đoàn Ngọc Đ-Bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình HI trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị H và ông Đoàn Ngọc Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn, không có tổ chức lễ cưới hỏi. Trong quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, bà đã đi khỏi nhà từ năm 2015, không còn sống chung với nhau. Nay bà yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Đoàn Ngọc Đ.

Về con chung: giữa bà và ông Đ có một con chung là cháu Đoàn Ngọc Kh, sinh ngày 27/5/2003. Khi bà và ông Đ không còn chung sống với nhau cháu Kh muốn ở với ai do tự cháu quyết định; nếu không ở với bà thì bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Trong quá trình sống chung giữa bà và ông Đ cùng con trai riêng của bà là Hồ Hữu Tr có tạo lập được một số tài sản chung như sau:

- Diện tích 1.242m² đất trong đó có 70m² đất thổ cư thuộc thửa 293 tờ bản đồ số 47 tại thôn KN, xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng đã được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 474208 ngày 23/6/2008 mang tên ông Đoàn Ngọc Đ, bà Trần Thị H; trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 và trồng cây cà phê.

- Diện tích 1.477m² đất trong đó có 70m² đất thổ cư thuộc thửa 294 tờ bản đồ số 47 tại thôn KN, xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng đã được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY038387 ngày 12/01/2015 đứng tên ông Đoàn Ngọc Đ (trên đất có cây cà phê).

- Diện tích 2.639m^2 trong đó có 100m^2 đất ở thuộc thửa 329, tờ bản đồ số 47 tại xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/01/2014 đứng tên ông Đoàn Ngọc Đ (trên đất có cây cà phê).

- 01 xe máy biển kiểm soát 49E1-139.31 mang tên ông Đoàn Ngọc Đ.

- Các đồ dùng trong nhà.

Đây là tài sản chung của bà, ông Đ và Hồ Hữu Tr nên yêu cầu được chia 3 và nhận bằng hiện vật.

- Đối với diện tích 15.000m^2 đất (trong đó có 3.780m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Ngọc Đ); còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 61.971m^2 đất thuộc phân định đất Lâm nghiệp và toàn bộ cây trồng trên đất; hiện nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: diện tích 3.500m^2 ở Suối Xanh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản riêng của bà nên không yêu cầu chia.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đoàn Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Trần Thị H chung sống với nhau từ năm 2002, không có đăng ký kết hôn, không có tổ chức lễ cưới hỏi. Trong quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc, bà H đã đi khỏi nhà từ năm 2015, không còn sống chung với nhau. Nay bà H yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với ông thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc Kh, sinh ngày 27/5/200, nay con đang ở với ông, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Quá trình sống chung giữa ông và bà H có tạo lập được một số tài sản chung như sau:

- Diện tích 1.242m^2 đất trong đó có 70m^2 đất thổ cư thuộc thửa 293 tờ bản đồ số 47 tại thôn KN, xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng đã được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 474208

ngày 23/6/2008 mang tên ông Đoàn Ngọc Đ, bà Trần Thị H; trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 và trồng cây cà phê.

- Diện tích 3.500m^2 ở Suối Xanh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- 01 xe máy biển kiểm soát 49E1-139.31 mang tên ông Đoàn Ngọc Đ và các đồ dùng trong nhà.

Đây là tài sản chung của ông và bà Đ nên yêu cầu đồng ý chia 2.

Về tài sản riêng:

- Diện tích 1.477m^2 đất trong đó có 70m^2 đất thổ cư thuộc thửa 294 tờ bản đồ số 47 tại thôn KN, xã PH, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY038387 ngày 12/01/2015 đứng tên ông Đoàn Ngọc Đ (trên đất có cây cà phê).

- Diện tích 2.639m^2 trong đó có 100m^2 đất ở thuộc thửa 329, tờ bản đồ số 47 tại xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/01/2014 đứng tên ông Đoàn Ngọc Đ (trên đất có cây cà phê).

- Diện tích 15.000m^2 đất (trong đó có 3.780m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Ngọc Đ).

Đây là tài sản riêng nên không đồng ý chia cho bà H và Hồ Hữu Tr.

Về nợ chung: không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Hữu Tr trình bày: khi ông Đ và bà H sống chung với nhau từ năm 1996 ông là con riêng của bà H cũng chung sống cùng, do ít học nên ông nghỉ học từ sớm và đi làm cùng với gia đình nên ông cũng có công sức đóng góp tạo nên khối tài sản chung của bà H và ông Đ, ông xác định những tài sản ông có công sức đóng góp bao gồm:

- Diện tích 1.242m^2 đất trong đó có 70m^2 đất thổ cư thuộc thửa 293 tờ bản đồ số 47 tại thôn KN, xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng đã được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 474208 ngày 23/6/2008 mang tên ông Đoàn Ngọc Đ, bà Trần Thị H; trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 và trồng cây cà phê.

- Diện tích 1.477m² đất trong đó có 70m² đất thổ cư thuộc thửa 294 tờ bản đồ số 47 tại thôn KN, xã PH, huyện ĐT tỉnh Lâm Đồng đã được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY038387 ngày 12/01/2015 đứng tên ông Đoàn Ngọc Đ (trên đất có cây cà phê).

- Diện tích 2.639m² trong đó có 100m² đất ở thuộc thửa 329, tờ bản đồ số 47 tại xã PH, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/01/2014 đứng tên ông Đoàn Ngọc Đ (trên đất có cây cà phê).

Đối với các tài sản này ông yêu cầu được chia làm 3 phần và ông đề nghị được nhận 01 phần bằng hiện vật.

- Diện tích 15.000m² đất (trong đó có 3.780m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Ngọc Đ) hiện nay ông không yêu cầu chia đối với tài sản này.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 05/2020/HNGĐ-ST ngày 17/01/2020, Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Hữu Tr.

- Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị H và ông Đoàn Ngọc Đ.

- Về con chung: Giao con chung cháu Đoàn Ngọc Kh sinh ngày 27/5/2003 cho ông Đoàn Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

- Về tài sản chung:

+ Chia cho ông Đoàn Ngọc Đ diện tích 1.242m² tại thửa 293, tờ bản đồ số 47 xã PH, huyện Đức Trọng trong đó có 70m² đất ở nông thôn, cây trồng trên đất và công trình xây dựng trên đất là nhà cấp 4 diện tích 102,55m² cùng nội thất trong nhà gồm: tủ phòng khách, bàn ghế salon phòng khách, 02 tủ chén. Diện tích 1.477m² tại thửa 294 tờ bản đồ số 47, xã PH, huyện Đức Trọng trong đó có 70m² đất ở nông thôn và cây trồng trên đất; 01 chiếc xe máy hiệu Future biển kiểm soát 49E1-139.31 có tổng giá trị 889.038.000đ được trọn quyền sử dụng.

+ Chia cho bà Trần Thị H diện tích 2.639m² tại thửa số 239 tờ bản đồ số 47 xã PH, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng trong đó có 100m² đất ở và cây trồng trên đất có giá trị 593.025.000đ được trọn quyền sử dụng.

Buộc ông Đoàn Ngọc Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị H giá trị tài sản chênh lệch do nhận nhiều tài sản hơn là 148.006.000đ.

Buộc ông Đoàn Ngọc Đ, bà Trần Thị H mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Hữu Tr số tiền 111.154.000đ.

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đoàn Ngọc Đ phải trả cho bà Trần Thị H số tiền 10.187.000đ và ông Hồ Hữu Tr phải trả cho bà Trần Thị H số tiền 3.595.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 20/01/2020 ông Đ có đơn kháng cáo không đồng chia thửa đất 294 và 329, tờ bản đồ 47, xã PH cho bà H vì đây là tài sản riêng đứng tên một mình ông; không đồng ý thanh toán công sức đóng góp cho ông Tr; yêu cầu bà H phải thanh toán lại cho ông ½ số nợ gốc và lãi ông đã trả Ngân hàng và Đại lý phân bón.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Đ. Bà H không đồng ý với kháng cáo của ông Đ, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị: Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, hủy một phần bản án về phần tài sản, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị H và ông Đoàn Ngọc Đ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà H có đơn khởi kiện xin không công nhận vợ chồng, cấp sơ thẩm căn cứ vào thời điểm chung sống

như vợ chồng của bà H và ông Đ để xác định quan hệ tranh chấp là “*Không công nhận vợ chồng*” là đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân và con chung sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Về tài sản chung:

Xét kháng cáo của ông Đoàn Ngọc Đ thì thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H và ông Đ đã thừa nhận diện tích 1.242m² đất trong đó có 70m² đất thổ cư thuộc thửa 293, tờ bản đồ 47, tại thôn KN, PH, ĐT; chiếc xe máy biển kiểm soát 49E1-139-31, 01 tủ phòng khách, 01 bàn ghế Salon, 02 tủ chén là tài sản chung nên chia đôi.

Đối với diện tích 1.477m² trong đó có 70m² đất thổ cư thuộc thửa 294 tờ bản đồ 47, tại thôn KN, PH, ĐT (trên đất có cây cà phê) đã được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY038387 ngày 12/01/2015 đứng tên Đoàn Ngọc Đ; Diện tích 2.639m² trong đó có 100m² đất ở thuộc thửa 329, tờ bản đồ số 47 tại xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng (trên đất có cây cà phê) đã được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/01/2014 đứng tên ông Đoàn Ngọc Đ. Bà H cho rằng đây là tài sản chung của bà và ông Đ nên yêu cầu chia đôi. Ông Đ cho rằng đây là tài sản riêng của ông nên không đồng ý chia cho bà H. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ cung cấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 294, tờ bản đồ số 47, diện tích 1.477m² (BL66, 48), bên chuyển nhượng là vợ chồng bà Mai Thị Hồng Ng, ông Nguyễn Trí H2, bên nhận chuyển nhượng ông Đoàn Ngọc Đ, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội và giấy xác nhận tài sản riêng (BL 45). Bà H cung cấp các hợp đồng là giấy viết tay thể hiện bên nhận chuyển nhượng là ông Đ, bà H. Cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng cứ là hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 294 và thửa 329 cho ông Đ; chưa xác minh, lấy lời khai đối với những người đã chuyển nhượng đất cho bà H, ông Đ; tại sao giấy viết tay bán đất cho bà H, ông Đ, nhưng sau đó lại ký vào hợp đồng chuyển nhượng có chứng thực ghi bên nhận chuyển nhượng chỉ có ông Đ? Do vậy, cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của bà H và ông Đ và chia đôi là chưa đủ cơ sở vững chắc.

Đối với diện tích đất 3.500m² ở Suối Xanh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Đ cho rằng đây là tài sản chung nên yêu cầu chia đôi, bà

H cho rằng tài sản riêng của bà nên không đồng ý chia cho ông Đ. Ngoài ra, tại đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà H có yêu cầu giải quyết chia tài sản chung là sản lượng cà phê thu hoạch năm 2015 gồm 5.000kg cà phê Robusta, 1.500kg cà phê Moca cũng chưa được cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa giải quyết hết yêu cầu của đương sự.

Đối với diện tích 15.000m² đất (trong đó có 3.780m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Ngọc Đ), còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 61.971m² thuộc phân định đất lâm nghiệp và toàn bộ cây trồng trên đất. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ, bà H yêu cầu giải quyết nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét. Sau khi xét xử ông Đ, bà H không kháng cáo. Tại biên bản làm việc ngày 10/8/2020 ở giai đoạn phúc thẩm ông Đ trình bày cấp sơ thẩm chưa giải quyết ông cũng đồng ý, ông sẽ thực hiện theo chính sách của nhà nước đối với phần đất lâm nghiệp. Phía bà H xác nhận nếu có tranh chấp, bà sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện của bà H cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà H và ông Đ đều yêu cầu chia nợ chung là số tiền vay Ngân hàng 150.000.000đ nợ gốc và 50.000.000đ nợ Đại lý phân bón Thuận. Tại biên bản làm việc ngày 10/8/2020 ở giai đoạn phúc thẩm ông Đ cho rằng tổng số tiền nợ gốc và lãi trả Ngân hàng 230.000.000đ + 50.000.000đ tiền nợ đại lý phân bón, đây là nợ chung nên yêu cầu chia đôi. Do đến hạn phải trả nợ Ngân hàng nên ông đã vay mượn để trả nợ, phía Ngân hàng cũng xác nhận ông Đ không còn nợ Ngân hàng (BL 216). Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã không xem xét đối với số tiền ông Đ đã trả nợ Ngân hàng và Đại lý để cân trừ vào chênh lệch giá trị khi chia tài sản chung hoặc buộc bà H phải thanh toán lại cho ông Đ 1/2 nợ chung là chưa giải quyết hết yêu cầu của đương sự.

Từ những phân tích trên cho thấy: cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ; chưa giải quyết hết các yêu cầu của đương sự, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần huỷ một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản tài chung. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Do huỷ một phần bản án về phần chia tài sản chung nên chưa xem xét giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Hồ Hữu Tr về yêu cầu chia công sức đóng góp.

[4] Về án phí: Đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng các đương sự đã nộp sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân và con chung sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

2. Hủy một phần bản án sơ thẩm số 05/2020/HNGĐ-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng về phần tài sản. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Hoàn trả cho ông Đoàn Ngọc Đ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0014141 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (1);
- VKSND tỉnh LĐ (1);
- TAND H. Đức Trọng (02);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu AV – HS (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Thị Nguyệt